TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29- 7- 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Bảy** – Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội huyện.

2. Bà **Đoàn Sơn Lâm** – Nguyên cán bộ huyện đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Bà **Khổng Phúc Vĩnh Nhật** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Ngọc H**, sinh ngày 30/4/1996. Có mặt

2. Bị đơn: Ông **Lê Trọng N**, sinh năm 1993. Vắng mặt lần 2.

Cùng địa chỉ: Ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc H trình bày và yêu cầu: Bà và ông Lê Trọng N do tự quen biết, cùng yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào tháng 12/2019. Có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn không hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2021 (*âm lịch)* thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do ông N thường xuyên tụ tập bạn bè đi nhậu đến khuya, không phụ giúp bà trong việc chăm sóc con, không lo làm ăn nên công việc làm ăn kinh tế tài chính gia đình luôn gặp khó khăn dẫn đến vợ chồng thường

xuyên cự cãi. Trong thời gian ly thân, cả hai có gặp nhau nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 05/5/2020 từ khi ly thân cho đến nay cháu Đ sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Trọng N trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông N nhiều lần tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông N. Về con chung: Giao cháu Đ cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà H yêu cầu ly hôn với ông N nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông N có nơi cư trú tại ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Ông N vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N là có cơ sở.

Về nội dung

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N có đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của đương sự thì cuộc sống của bà và ông N không hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do kinh tế gia đình, ông N sống vô tâm, không chăm sóc vợ và con, bà H đã nhiều lần khuyên can, cho cơ hội nhưng ông N vẫn không thay đổi. Từ đó, dẫn đến vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, thường

xuyên cự cải. Nên bà và ông N đã sống ly thân từ tháng 8/2021(âm lịch) cho đến nay. Từ khi ly thân cả hai có gặp nhau cũng như không có biện pháp hàn gắn tình cảm, cho thấy hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông N theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

[4] Về con chung: Bà H và ông N có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 05/5/2020. Từ khi ly thân đến nay cháu Đ sống với bà H. Khi ly hôn, bà Hòa yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Xét về vấn đề nuôi con: Việc giao con cho ai nuôi phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con, từ khi ly thân đến nay cháu Đ do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để tạo điều kiện trong sinh hoạt và ổn định tâm lý cho cháu nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà H cho rằng bà có khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông N cấp dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không buộc ông N phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc H đối với bị đơn ông Lê Trọng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hồ Thị Ngọc H được ly hôn với ông Lê Trọng N.

2. Về con chung: Có 01 con chung. Giao cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 05/5/2020, cho bà Hồ Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Lê Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Trọng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người nuôi con.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu. Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hồ Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006045 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận bà H đã nộp và chi xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Phú Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Thị Ánh Đào